

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ ĐÀO TẠO VÀ SỬ DỤNG NGUỒN NHÂN LỰC Ở AN GIANG TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU THỰC HIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1986 - 1996)

Nguyễn Thị Hồng Nhung⁽¹⁾

⁽¹⁾Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (VNU-HCM)

Ngày nhận bài 2/3/2017; Ngày gửi phản biện 13/3/2017; Chấp nhận đăng 28/4/2017

Email: hongnhung171283@gmail.com

Tóm tắt

An Giang là tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long. Trong những năm đầu thực hiện công cuộc đổi mới, An Giang có chất lượng nguồn nhân lực còn thấp, khả năng làm việc của người lao động chưa đáp ứng với yêu cầu phát triển và đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện thắng lợi mục tiêu kinh tế xã hội của tỉnh. Để khắc phục tình hình này, Đảng bộ và chính quyền tỉnh An Giang đã tích cực, chủ động đổi mới, phát triển giáo dục đào tạo, nâng cao tỷ lệ người lao động qua đào tạo trong tất cả các lĩnh vực ngành nghề, chú trọng phát triển mạng lưới dạy nghề và đào tạo đại học. Các giải pháp phát triển giáo dục đào tạo được kết hợp chặt chẽ với việc sử dụng nguồn nhân lực qua điều động, phân bố trên sở sở khoa học và thực tiễn của từng địa phương, từng ngành. Những nỗ lực của Đảng bộ, chính quyền tỉnh An Giang trong đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực những năm đầu thực hiện công cuộc đổi mới tuy chuyển động còn chậm, kết quả chưa cao nhưng đã tạo được những tiền đề quan trọng trong việc phát triển nguồn nhân lực của địa phương khi bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Từ khóa: An Giang, nguồn nhân lực, đào tạo, sử dụng, đổi mới, công nghiệp hóa

Abstract

SOME ISSUES ON TRAINING AND USE OF HUMAN RESOURCES IN AN GIANG PROVINCE IN THE EARLY YEARS OF IMPLEMENTING THE INNOVATION (1986 - 1996)

An Giang is a province in the Mekong Delta. In the early years of implementing the Innovation, An Giang has a low quality of human resources and the employees' qualifications do not meet the development requirements and ensure the successful implementation of socio-economic aim of the province. To overcome this situation, the Party and Government of An Giang province innovated actively and positively, developed education and training, improved the proportion of trained workers in all fields of industry, focused on developing vocational training networks and university training. Solutions for education and training development are closely linked to the use of human resources through mobilization and distribution on the base of science and practice of each locality and sector. Despite the slow movement and low results, efforts of the Party and Government of An Giang province in training and using human resources in the early years of implementing the Innovation process have created important premises in the development of local human resources when entering the period of industrialization and modernization.

1. An Giang tìm tòi, thử nghiệm đổi mới, phát triển nguồn nhân lực trong thời kỳ mới

Ngay sau Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI (tháng 12 năm 1986), tỉnh An Giang nỗ lực từng bước tháo gỡ những khó khăn của cơ chế bao cấp và xác lập nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đảng bộ và chính quyền An Giang trong các văn kiện, văn bản chỉ đạo tuy chưa đề cập đến cụm từ "nguồn nhân lực" nhưng chú trọng đến một số lĩnh vực liên quan đến việc phát triển giáo dục, đào tạo nghề, sử dụng người lao động, sử dụng cán bộ...

Đảng bộ, chính quyền An Giang coi giáo dục – đào tạo là một hướng chính của đầu tư phát triển, chú trọng mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng, hiệu quả, đa dạng hóa loại hình trường lớp. Tỉnh chỉ đạo sắp xếp lại hệ thống trường lớp cho hợp lý, các trường chuyên, lớp chọn, trường dân tộc nội trú, trường trẻ em khuyết tật được củng cố và phát triển. Nhiều trường lớp được sửa chữa và xây dựng mới, thu hẹp dần lớp ca 3 và phòng tre lá. Số lượng học sinh ở các cấp hàng năm đều tăng, số học sinh lưu ban giảm. Kỷ cương học đường được tăng cường, chất lượng dạy có nâng lên. Việc xã hội hóa giáo dục được nhiều cấp ủy, chính quyền và nhân dân chú trọng. Phong trào phổ cập tiểu học, xóa mù chữ, học nghề, học ngoại ngữ và tin học phát triển khá mạnh, thu hút nhiều người tham gia. Năm 1987, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chủ trương về trường dạy nghề chủ yếu do các xí nghiệp, công ty quốc doanh và có chính sách khuyến khích các cơ sở sản xuất tập thể và tư nhân đứng ra tổ chức, quản lý và thu học phí. Ngành nào, đơn vị nào có nhu cầu đào tạo bao nhiêu cán bộ hoặc công nhân kỹ thuật thì ký hợp đồng với trường trung học chuyên nghiệp và công nhân hiện có của tỉnh thông qua Ban giáo dục chuyên nghiệp tuyển sinh, chịu trách nhiệm đào tạo theo hợp đồng cho ngành và đơn vị ấy, không đào tạo tràn lan chạy theo số lượng[13].

Từ năm học 1991–1992, công tác giáo dục – đào tạo đã có những bước khởi sắc, đặc biệt từ khi có Nghị quyết TW 4 (khóa VII) và chương trình hành động của Tỉnh ủy về công tác giáo dục, đào tạo. Trên cơ sở đó, giáo dục đào tạo đã phát triển, vừa tăng nhanh quy mô, đa dạng hóa trường lớp, vừa tăng cường các điều kiện đảm bảo củng cố chất lượng. An Giang không ngừng đa dạng hóa các loại hình trường lớp, củng cố và phát triển hệ mẫu giáo, nhà trẻ; hoàn chỉnh hệ thống trường trọng điểm, trường chuyên, lớp chọn. Tổ chức dạy nghề ở các trường trung học, hình thành trung tâm dạy nghề trước hết ở hai thị xã và một số thị trấn. Từng bước chỉnh trang trường sở, xóa ca 3 và thay thế các phòng học tre lá, sửa chữa các phòng không đúng quy cách, các phòng xuống cấp. Củng cố chất lượng đào tạo của các trường sư phạm, khắc phục dần tình trạng thiếu, yếu và không đồng bộ của đội ngũ giáo viên, nhất là giáo viên tiểu học, giáo viên ngoại ngữ. Có chiến lược đào tạo và bồi dưỡng nhân tài [11].

Song song với công tác giáo dục – đào tạo, tỉnh chú ý việc bố trí, sử dụng nguồn lực con người sao cho hợp lý nhất. Với việc di dân đến các vùng kinh tế mới, năm 1986, Tỉnh ủy chỉ đạo việc phân bố lao động và xây dựng các vùng kinh tế – xã hội đều nằm trên những địa bàn hết sức khó khăn về các mặt bố trí dân, bố trí sản xuất để đạt ngay công lao động cao. Vì vậy ngoài phương án sản xuất chính cần chú ý kinh tế phụ gia đình, việc làm cho lao động trong lúc nông nhàn, có như thế mới đảm bảo cuộc sống bình thường cho đồng bào mới đến còn bỡ ngỡ xa lạ với lối làm ăn của địa phương. Nguồn nhân lực sau khi được đào tạo ở nhà trường sẽ tự kiếm việc làm, Đảng bộ An Giang thường xuyên quán triệt: “Về giải quyết việc làm, trên cơ sở các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần, mọi người phải tự tìm việc làm là chính. Nhà nước hỗ trợ thông qua chính sách đầu tư, đào tạo và tài trợ. Việc sử dụng vốn của ngân sách phải tập trung cho ngành, khu vực thu hút được nhiều lao động nhất”[1]. Thời điểm năm 1991, “Giải quyết công ăn việc làm cho người lao động là áp lực thường xuyên, là mối

quan tâm chung của toàn xã hội. Giải quyết vấn đề này, đòi hỏi phải có kế hoạch lâu dài, đồng bộ và những biện pháp phối hợp cụ thể, thiết thực của các ngành các cấp, của từng cơ sở, Nhà nước và nhân dân cùng lo toan, phù hợp với điều kiện tăng trưởng của nền kinh tế - xã hội”[1].

Đến năm 1994, Đảng bộ An Giang xác định việc làm là vấn đề bức xúc hàng đầu, phương hướng chung là mỗi người lao động phải tự tìm việc làm là chính, gấn lao động, dặt đai với ngành nghề... thông qua các chương trình phối hợp đầu tư của Nhà nước và nhân dân để khai thác tiềm năng, mở rộng sản xuất ngành nghề. Khuyến khích mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất tạo việc làm cho người lao động trong xã hội. Khai thác, quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn của Trung ương, địa phương và các nguồn tài trợ của nước ngoài... để triển khai các dự án vừa và nhỏ thu hút lao động tại chỗ, giúp vốn người nghèo tự làm ăn, cải thiện đời sống[11].

Nguồn nhân lực làm việc trong bộ máy hành chính nhà nước được từng bước kiện toàn. Công tác đánh giá, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ đảm bảo tính tập thể, dân chủ, công khai, tạo sự thống nhất trong Đảng. Đồng thời, chính quyền An Giang coi trọng việc bố trí cán bộ chủ chốt ở các cấp các ngành, những người trẻ có năng lực được trọng dụng và cất nhắc. Đảng bộ và chính quyền An Giang tiến hành khảo sát, đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ, trước hết là cán bộ chủ chốt ở các cấp, kể cả cán bộ đương chức và cán bộ kế cận. Trên cơ sở đó có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo, tuyển chọn và bố trí sử dụng, nhằm phát huy năng lực trình độ của đội ngũ cán bộ hiện có, nhất là cấp cơ sở. Phải có quan điểm mới trong đánh giá, bố trí cán bộ theo hướng coi trọng nhân tài, tạo điều kiện cho số cán bộ trẻ có phẩm chất và năng lực vươn lên. Quan tâm đào tạo bồi dưỡng cán bộ nữ, dân tộc, số cán bộ ngoài Đảng. Khắc phục tư tưởng hẹp hòi, định kiến và cục bộ địa phương trong công tác cán bộ. Hình thành đồng bộ 4 bộ phận: cán bộ lãnh đạo chính trị, cán bộ quản lý Nhà nước, cán bộ quản lý sản xuất - kinh doanh, các chuyên gia giỏi trên từng lĩnh vực. Có chiến lược đào tạo, bồi dưỡng và đào tạo cán bộ theo yêu cầu quy hoạch và phát triển kinh tế - xã hội[11]. Năm 1995, tỉnh An Giang ban hành “Quy hoạch phát triển dân số và nguồn nhân lực thời kỳ 1996-2010”.

2. Phát triển giáo dục đào tạo - nỗ lực và thách thức

Công tác giáo dục đào tạo ở An Giang trong những năm đầu đổi mới gặp khá nhiều khó khăn. Giai đoạn 1986-1991 suy giảm về quy mô ở tất cả hệ bậc học. Năm học 1986-1987 là thời điểm ngành giáo dục tiến hành điều chỉnh kế hoạch phát triển về quy mô để chống sự quá tải của giáo dục so với điều kiện kinh tế của địa phương. Đảng bộ và chính quyền phải đương đầu với nhiều những mặt tiêu cực của cơ chế thị trường cộng với những thay đổi về chính sách vĩ mô đối với ngành giáo dục như: xóa bao cấp, thu một phần học phí, thực hiện cải cách nội dung chương trình, đánh giá học tập, thi cử ... Đời sống của giáo viên gặp nhiều khó khăn; mỗi năm có hàng ngàn giáo viên bỏ nghề, trong khi nguồn tuyển sinh vào các trường sư phạm rất ít, chất lượng đầu vào lại thấp. Đầu tư của nhà nước để phát triển trường lớp còn rất hạn chế. Vì vậy cơ sở vật chất xuống cấp nhanh, nhiều lớp học ca 3, công tác phổ cập giáo dục tiểu học cũng sụt giảm đáng kể. Cấp tiểu học mạng lưới trường lớp gần đều khắp nhưng vẫn chưa hợp lý, một số điểm dân cư mới chưa có trường công lập, có những trường gồm cả cấp I và II. Năm 1986, học sinh phổ thông tăng 13,4% so năm học trước (tăng cả 3 cấp), nhưng còn trên 80.000 cháu đúng độ tuổi chưa vào học, thiếu 330 phòng học, nên nhiều nơi dạy ca 3, một số ít dạy ca 4. Đáng quan tâm là chất lượng ngày giảm sút, tỷ lệ học sinh đậu đại học vẫn ở mức 6%. Số học sinh hết cấp II, III không tiếp tục học còn nhiều[12]. Tỷ lệ lưu ban bỏ học khá cao, năm học

1991-1992 có 36,74% đối với cấp 2 và 22,2% đối với cấp 3[14]. Số lượng học sinh phổ thông của An Giang so với một số tỉnh đồng bằng sông Cửu Long còn thấp. Năm 1992, cứ 6,54 người dân An Giang mới có 1 người đi học, trong khi đó bình quân tại đồng bằng sông Cửu Long là 5,45 người dân có 1 người đi học. Qua năm 1993, 6,35 người dân có 1 người đi học. Tỷ lệ người đi học ở An Giang thấp hơn một số tỉnh như Long An (5,45), Đồng Tháp (5,13), Vĩnh Long (5,23), Tiền Giang (5,37), Kiên Giang (5,09), Cần Thơ (5,78)[10]. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng này. Vùng sâu, học sinh đi học rất xa (trên 5 km đối với trung học cơ sở và trên 10 km đối với trung học phổ thông, đường sá đi lại khó khăn; đời sống khó khăn khiến nhiều trẻ em thay vì đi học lại phải phụ giúp cha mẹ lo việc đồng áng (phổ biến ở nông thôn), bán vé số (phổ biến ở thành thị). Tỷ lệ 25% trẻ em từ 13-15 tuổi tham gia lao động cho thấy vì đời sống khó khăn, các em phải giải quyết nhu cầu đời sống trước.

Mười năm sau đổi mới, năm học 1995 - 1996, số học sinh của tỉnh đã tăng đáng kể. Toàn tỉnh có 357.398 học sinh các bậc học phổ thông, so với năm học 1994-1995 học sinh tiểu học tăng 4,6%, trung học cơ sở 17,5%, trung học phổ thông 27,6%[5]. Tuy nhiên, hoạt động giáo dục - đào tạo của An Giang vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, chất lượng thấp; tình trạng giáo viên thiếu và yếu, cơ sở vật chất thiếu thốn, xuống cấp, trang thiết bị lạc hậu còn để kéo dài. Chi phí học tập khá cao ảnh hưởng lớn đến việc học hành của con em gia đình nghèo. Tỷ lệ người đi học mới chiếm 20% dân số[1]. Số năm đi học bình quân của nhân dân An Giang là 3,4, còn thấp so với vùng và so với cả nước (vùng đồng bằng sông Cửu Long là 3,5, cả nước là 4,9). Tỷ lệ người chưa biết chữ của An Giang chiếm 21.48%, trong khi đồng bằng sông Cửu Long là 16,53%, cả nước là 13,73%[10].

Một vấn đề đáng báo động đối với An Giang là với dân số gần 2 triệu người, hàng năm chỉ có trên 600 người có trình độ cao đẳng và đại học. Tính đến năm 1996, số người đạt trình độ cao đẳng, đại học là 6.254 người[6]. Chất lượng đào tạo đại học, cao đẳng chưa được nâng cao bởi đội ngũ cán bộ giảng dạy vừa thiếu vừa yếu, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học còn quá nghèo nàn, chưa đổi mới nội dung và phương pháp dạy học (Trường Cao đẳng Sư phạm An Giang chưa có giảng viên đạt trình độ thạc sĩ, hầu hết chỉ là cử nhân đại học). Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo chỉ 3,84% trong khi con số này của cả nước là 10,98%. Còn số lượng nhân lực có trình độ đại học trở lên trên 10.000 dân chỉ bằng một nửa so với cả nước: 41 người/10.000 dân. Bảng 1 sẽ cho thấy rõ hơn hiện trạng trình độ nguồn nhân lực của An Giang cho đến năm 1995.

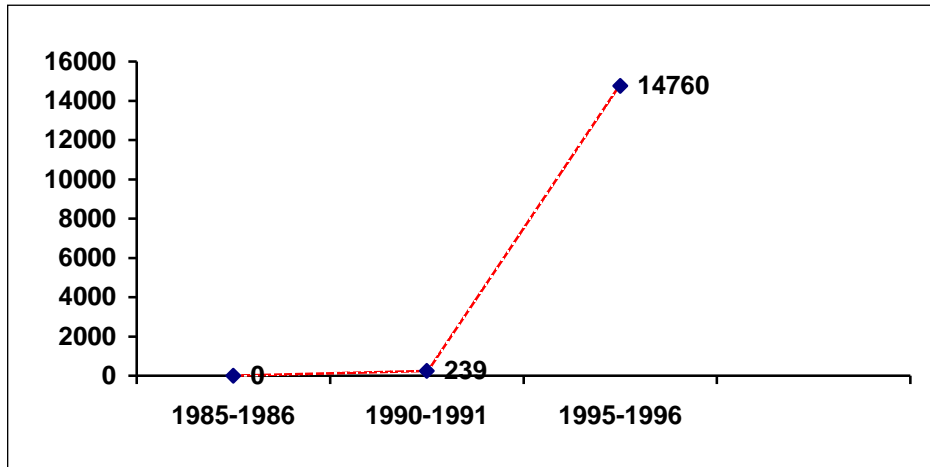
Bảng 1: Tổng hợp trình độ nguồn nhân lực An Giang năm 1995[10]

	ĐVT	An Giang	Cả nước	Philippin	Thái Lan
Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo	%	3,84	10,98		
Trình độ đại học trở lên/10.000 dân	Người	41	80	350	170
Tỷ lệ % trên dân số	%	0,41	1,3	4	2

Để khắc phục sự thiếu hụt lực lượng lao động có trình độ khoa học kỹ thuật, trong 5 năm 1990-1994, đã đào tạo được 814 người có trình độ cao đẳng, đại học và 2.651 người có trình độ trung cấp (chỉ tính các trường trong tỉnh)[10]. Trình độ tay nghề, chuyên môn kỹ thuật của nguồn nhân lực An Giang còn yếu. An Giang chưa thực sự chú trọng đào tạo nghề. Việc dạy nghề phổ thông đã hình thành và có phát triển nhưng chỉ đáp ứng một phần nhỏ yêu cầu học nghề ngắn hạn của học sinh (kỹ thuật viên tin học, đánh máy chữ, cắt may, ngoại ngữ...). Học sinh phổ thông học thêm một nghề để giúp học sinh có thể lao động sau khi tốt nghiệp, đồng

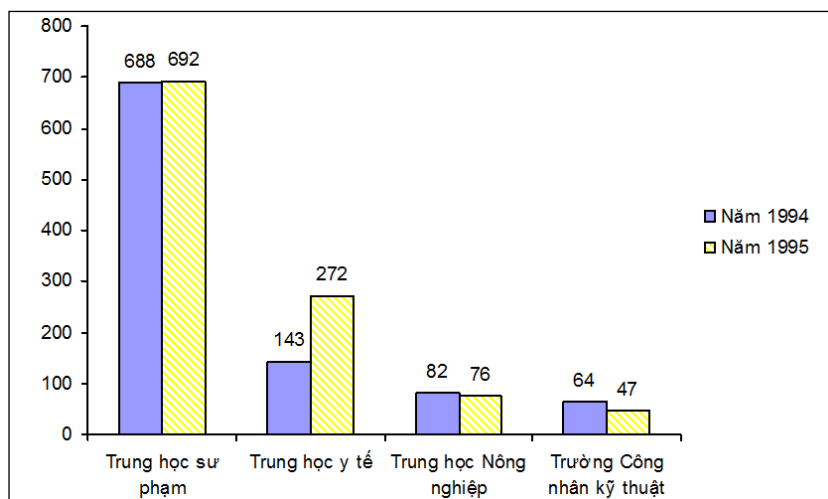
thời định hướng các em vào học các trường trung học chuyên nghiệp, nhất là hệ trung cấp nghề. Số học sinh phổ thông được học nghề tăng lên gấp nhiều lần trong vòng 10 năm (1986-1996). Từ con số 0 ở năm học 1985-1986, học sinh phổ thông được học nghề đã tăng lên 14.760 em trong năm học 1995-1996.

Biểu đồ 1: Số học sinh phổ thông được học nghề ở An Giang[8]



Năm 1991, An Giang có 4 trường dạy nghề gồm: Trường Công nhân kỹ thuật – Trung tâm kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp và dạy nghề, Trường Trung học Nông nghiệp, Trung học Y tế, Trung học Sư phạm. Trường Trung học Sư phạm cung cấp giáo viên cho công tác phổ cập giáo dục tiểu học, trường Trung học Y tế đáp ứng yêu cầu thầy thuốc cho các địa phương nên số lượng tuyển sinh đông hơn trường Trung học Nông nghiệp và Trường Công nhân Kỹ thuật.

Biểu đồ 2: Số lượng tuyển sinh vào các trường dạy nghề ở An Giang[8]



Hầu hết những công ty, xí nghiệp ở địa phương đều gặp khó khăn khi tuyển lao động, phải tuyển người chưa có chuyên môn, sau đó mới tổ chức dạy nghề tại cơ sở sản xuất kinh doanh, vừa mất thời gian vừa ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất. Đó là đối với những cơ sở sản xuất kinh doanh có điều kiện dạy nghề tại chỗ (xí nghiệp may, xí nghiệp chế biến thủy sản...), còn công ty điện nước nông thôn thì không thể tuyển người chưa có chuyên môn. Cách tuyển người của công ty là nhận hồ sơ, sau đó cho đi học nhưng không cấp lương. Khi tốt nghiệp mới

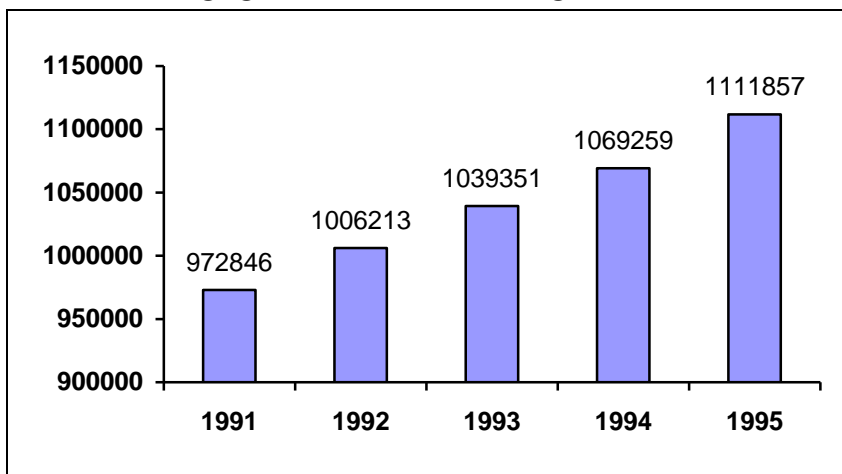
được bố trí công việc và công ty sẽ chi toàn bộ học phí cả khóa học đối với những người tốt nghiệp đạt loại khá trở lên. Với phương thức này, phải mất 5 năm, công ty mới tuyển được một đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề phù hợp với yêu cầu của công việc[7].

3. Bước đầu khắc phục những bất cập trong sử dụng nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực không có việc làm của tỉnh giai đoạn 1986-1995 chiếm khoảng 9,1% lực lượng lao động xã hội, cao hơn nhiều tỉnh và mức bình quân chung cả nước. Số lao động có đủ việc làm trong các ngành sản xuất, cơ sở tiểu thủ công nghiệp vẫn còn thấp, chủ yếu làm việc trong lĩnh vực kinh tế phi chính thức (bán hàng rong, bán vé số, xe đạp ôm, xe lôi thùng...), thuộc lĩnh vực lao động giản đơn, vốn ít, thu nhập thấp. Tình trạng thiếu việc làm đồng nghĩa với việc nguồn nhân lực chưa được sử dụng hết khả năng, gây sức ép đối với nền kinh tế và là nguyên nhân tiềm tàng đe dọa sự ổn định của xã hội. Đó là chưa kể đến việc chậm nâng cao chất lượng dân số và nguồn nhân lực một cách toàn diện cả về thể lực, trình độ văn hóa, kỹ năng lao động và nhân cách... hạn chế không nhỏ tiến trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Qua số liệu điều tra 1/4/1989, toàn tỉnh có 852,6 ngàn người trong tuổi lao động, nhưng mới có việc làm ổn định trên 6 tháng là 587,8 ngàn người, có việc làm tạm thời 44,2 ngàn người. Nếu loại trừ số người trong độ tuổi lao động nhưng đang đi học, nội trợ, mất khả năng lao động thì số người chưa có việc làm là 90,1 ngàn người, bằng 10,6% số người trong độ tuổi lao động[2]. Đến năm 1995, nguồn lao động của An Giang có 1.111.857, trong đó nguồn lao động dự trữ gồm 16.554 học sinh trong tuổi lao động đang học và 125.262 người trong tuổi lao động có khả năng lao động nội trợ và chưa có việc làm[3].

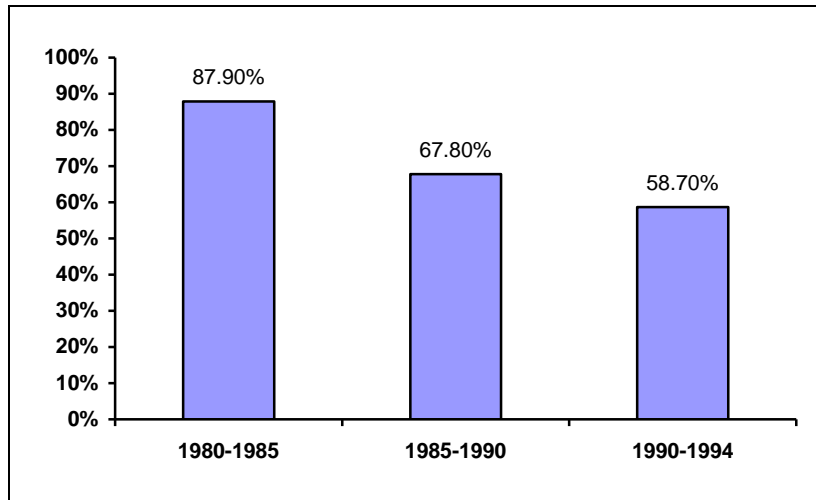
Biểu đồ 3: Số lượng nguồn nhân lực ở An Giang từ năm 1991 đến 1995[3]



Giai đoạn 1986-1990, mỗi năm An Giang tăng bình quân 26.753 người, trong đó lao động nông nghiệp tăng 18.153 người, chiếm 67,8%. Sang giai đoạn 1990 đến 1994 số lao động tăng 74.705 người, bình quân mỗi năm tăng 14.941 người, lao động nông nghiệp tăng bình quân 8.775 người và chiếm 58,7%[10]. Như vậy, theo thời gian, tốc độ tăng số lượng lao động trong nông nghiệp đã giảm tỷ lệ thuận với cơ cấu kinh tế của tỉnh khi tỷ trọng nông nghiệp giảm (từ 87,9% giai đoạn 1980-1985 xuống còn 58,7% giai đoạn 1990-1994). Nhưng về cơ bản, đa số lao động tăng đều hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp và sau đó trong lĩnh vực thương nghiệp. Do sức ép của đà gia tăng dân số trong khi các ngành khác như công nghiệp,

tiểu thủ công nghiệp... không có khả năng thu dụng thêm nhiều lao động. Năm 1980, bình quân một lao động nông nghiệp có 0,63 ha đất canh tác, năm 1990 bình quân một lao động còn 0,35 ha, đến 1994 còn 0,32 ha[10].

Biểu đồ 4: Mức độ tăng của lao động trong nông nghiệp An Giang qua các giai đoạn[10]



Còn về lao động trong khu vực ngoài nông nghiệp, một số nơi đã ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, dựa vào nguyên liệu tại chỗ và tự chạy thêm nguyên liệu, nên đã phát triển thêm một số mặt hàng mới như sản xuất đồ gốm ở Tri Tôn, thị xã Châu Đốc và một số mặt hàng tiêu dùng khác. Năm 1986, có 500 cơ sở mới với trên 1.300 lao động tự nhân mở ra sản xuất, chủ yếu là dịch vụ, sửa chữa. Một số cơ sở sản xuất tự nhân trước đây đã nghỉ, nay trở lại sản xuất, như 20 cơ sở đường kết tinh ở Chợ Mới[12]. Năm 1990, khu vực tiểu thủ công nghiệp đã thu hút thêm 5.500 lao động, khu vực thương nghiệp số người kinh doanh tăng thêm trên 2.884 lao động. Đến cuối năm 1990, toàn tỉnh có 57,8 ngàn lao động tham gia trong lĩnh vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp, với 16.565 cơ sở, tăng 155,4% về cơ sở và tăng 147,27% về lao động so với năm 1986[2]. Nhìn chung, nguồn nhân lực của An Giang trước năm 1996 chủ yếu thuần nông (với 80% lao động nông nghiệp), lao động công nghiệp, dịch vụ ít. Chính vì lực lượng nông dân đông đảo, xuất thân từ nông dân nên nguồn nhân lực dù không trực tiếp can dự vào đồng áng nhưng họ còn nặng tác phong sinh hoạt nông dân, thiếu tác phong lao động công nghiệp. Đây là một yếu điểm không chỉ nguồn nhân lực An Giang vướng phải mà là yếu điểm của nguồn nhân lực cả nước. Năng suất lao động thấp, lao động giản đơn bằng cơ bắp là chủ yếu. Lao động được đào tạo còn quá thấp, trình độ sơ cấp, trung cấp và đại học chiếm khoảng 3,8% trong tổng số lao động[10]. Tốc độ tăng lao động trong độ tuổi trung bình hàng năm cao hơn tốc độ tăng dân số, do đó sử dụng nguồn lao động này sao cho hiệu quả và không lãng phí là một vấn đề đặt ra rất gay gắt.

3. Kết luận

Xuất phát điểm là một tỉnh thuần nông nên nguồn nhân lực hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp ở An Giang chiếm số lượng lớn trong cơ cấu nhân lực của tỉnh. Nguồn nhân lực nông nghiệp thường có trình độ học vấn thấp, chưa qua đào tạo. Đây là tình trạng chung của nguồn nhân lực An Giang. Trước năm 1996, nguồn nhân lực An Giang đông về số lượng nhưng chất lượng còn nhiều hạn chế. Cộng với tình hình kinh tế của tỉnh lúc đó dù đã khởi sắc nhưng

chưa thực sự phát triển nên tình rơi vào tình trạng vừa thừa vừa thiếu nhân lực (thiếu thợ có trình độ tay nghề cao, thừa người không được đào tạo). Để khắc phục tình trạng này, Đảng bộ, chính quyền tỉnh An Giang đưa ra nhiều chủ trương, chính sách liên quan đến giáo dục đào tạo và việc làm. Trong buổi đầu tiến hành đổi mới, vấn đề giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực An Giang gặp nhiều khó khăn do sự chuyển đổi cơ chế. Giai đoạn 1986-1995, số học sinh đến trường sụt giảm so với giai đoạn trước và số học sinh bỏ học còn nhiều. Nguồn nhân lực qua đào tạo của An Giang chiếm tỷ lệ thấp hơn nhiều so với mặt bằng chung của đồng bằng sông Cửu Long và cả nước. Số lượng nguồn nhân lực chất lượng cao, có trình độ đại học trở lên còn ít. Tỷ lệ nguồn nhân lực qua đào tạo nghề lại càng thấp hơn vì chính quyền cũng như người dân chưa chú trọng đến mảng đào tạo nghề.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh An Giang, *Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VI*, 1996.
- [2] Cục thống kê tỉnh An Giang, *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội 1986-1990*, số 128/TK, 1991.
- [3] Cục thống kê tỉnh An Giang, *Niên giám thống kê tỉnh An Giang 1991-1995*, 1996.
- [4] Đảng cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh An Giang lần V*, Lưu hành nội bộ, 1991.
- [5] Mai Ngọc Luông, *Sự nghiệp giáo dục vùng đồng bằng sông Cửu Long (1986-1996)*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ, 2004.
- [6] Nguyễn Thành Phương, *Lịch sử phát triển giáo dục – đào tạo ở An Giang (1975-2000)*, Luận án tiến sĩ lịch sử Việt Nam, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, 2005.
- [7] Nguyễn Thế Nghĩa, Bùi Quang Huy, Lê Thế Đạt (đồng chủ biên), *Đồng bằng sông Cửu Long – hội nhập và phát triển*, NXB Khoa học Xã hội, 2005.
- [8] Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang, *Báo cáo tổng kết công tác đào tạo nghề (1986-1996)*, 1996.
- [9] Sở Lao động An Giang, *Phương hướng kế hoạch năm 1986 về phân bổ lao động và xây dựng các vùng kinh tế xã hội*, số 40/KH, Chi cục Lưu trữ An Giang, phòng UBND tỉnh An Giang – Khối Nội chính 1976-1989, HSS 1040.
- [10] Sở Lao động, Thương Binh và Xã hội tỉnh An Giang, *Quy hoạch phát triển dân số và nguồn nhân lực thời kỳ 1996-2010 tỉnh An Giang*.
- [11] Tỉnh ủy An Giang, *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh An Giang tại Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ (khóa V)*, số 57-BC/TU, 1994.
- [12] Tỉnh ủy An Giang, *Báo cáo tình hình năm 1986*, số 06 - BC/TU, 1987.
- [13] Tỉnh ủy An Giang, *Chỉ thị về việc tăng cường lãnh đạo, nâng cao chất lượng giáo dục 1987-1988*, Số 05/CT-TU, Chi cục Lưu trữ An Giang, Phòng UBND tỉnh An Giang – Khối văn hóa – xã hội 1976-1989, HSS 398.
- [14] UBND tỉnh An Giang, *An Giang 25 năm xây dựng và phát triển*, 2000.